

Số: 02/2025/QĐPT-DS

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Hoàng Vương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tùng;

Bà Ngô Thị Bích Diệp.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp:
Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 327/2024/TLPT-VDS ngày 16 tháng 7 năm 2024 về việc: “Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung”.

Do Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2024/QĐST-VDS ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2025/QĐPT-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Bà Thái Thị Hoàng Anh P5, sinh năm 1982; địa chỉ: số E, đường D, khu dân cư D, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Võ Tấn T, sinh năm 1994; địa chỉ: tổ C, thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1978; địa chỉ: số B, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Ông T và bà X cùng địa chỉ liên hệ: số A, đường số A, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/3/2024), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Minh H, sinh năm 1976; địa chỉ: số E (số C), đường B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Minh H: Bà Trương Ngọc L, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp C, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau; địa chỉ liên hệ: số E, đường B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 31/01/2023), có mặt.

2. Ông Trần Văn P, sinh năm 1979; địa chỉ: số E (số C), đường B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn P:

2.1. Bà Trần Thị Ngọc Á, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp T, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 31/01/2023), có mặt.

2.2. Bà Trương Ngọc L, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp C, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau; địa chỉ liên hệ: số E, đường B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/9/2024), có mặt.

3. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1956; địa chỉ: tổ A, ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Trần Minh P1, sinh năm 1958; địa chỉ: số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

5. Ông Trần Minh T1, sinh năm 1960; địa chỉ: số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

6. Bà Trần Thị C, sinh năm 1962; địa chỉ: số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

7. Bà Trần Lệ C1, sinh năm 1965; địa chỉ: số B, tổ H, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

8. Ông Trần Minh H2, sinh năm 1967;

9. Bà Trần Thị L1, sinh năm 1969;

10. Bà Trần Thị H3, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: số E (số C), đường B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp cho bà Trần Thị H1, ông Trần Minh T1, ông Trần Minh P1, bà Trần Thị C, bà Trần Lệ C1, ông Trần Minh H2, bà Trần Thị L1 và bà Trần Thị H3: Bà Trương Ngọc L, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp C, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau; địa chỉ liên hệ: số E, đường B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/4/2022), có mặt.

11. Ông Trần Minh T2, sinh năm 1968; địa chỉ: số B, đường L, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

12. Bà Võ Thị Bích T3, sinh năm 1962, vắng mặt;

13. Bà Trần Thị Bích P2, sinh năm 1989, vắng mặt;

14. Ông Trần Duy P3, sinh năm 1991, vắng mặt;

15. Ông Trần Duy P4, sinh năm 1997, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

16. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1962, vắng mặt;

17. Ông Trần Minh T4, sinh năm 1988, vắng mặt;

18. Bà Trần Thị Thanh T5, sinh năm 1993, vắng mặt;

19. Bà Trần Thị Thanh T6, sinh năm 1996, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* ông Trần Minh H, ông Trần Văn P, ông Trần Minh T2, bà Trần Thị H1, ông Trần Minh T1, ông Trần Minh P1, bà Trần Thị C, bà Trần Lệ C1, ông Trần Minh H2, bà Trần Thị L1 và bà Trần Thị H3.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 31/QĐ-VKS-DS ngày 02/7/2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Theo nội dung của quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Bà Thái Thị Hoàng Anh P5 là người được thi hành án theo Quyết định thi hành án số 2410/QĐ-CCTHADS ngày 17/6/2019 và Quyết định thi hành án số 2411/QĐ-CCTHADS ngày 10/8/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An ban hành. Cụ thể, theo các quyết định này, ông Trần Minh H có nghĩa vụ thanh toán cho bà P5 số tiền 3.750.000.000 đồng và ông Trần Văn P có nghĩa vụ thanh toán cho bà P5 số tiền 4.690.000.000 đồng.

Trong quá trình thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An mới chỉ thực hiện được việc thu từ ông P số tiền 13.000.000 đồng. Đối với phần nghĩa vụ còn lại của ông Trần Minh H và ông Trần Văn P, các đương sự không tự nguyện thi hành.

Để có căn cứ tiếp tục thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của ông H và ông P, kết quả cho thấy hai ông có tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 270,

293, 272, 269 (tờ bản đồ E4) và thửa đất số 481, 554 (tờ bản đồ E5) tại khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Dĩ An cấp cho hộ bà Trần Thị G.

Nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án, bà Thái Thị Hoàng Anh P5 đã có văn bản yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung đối với quyền sử dụng đất nói trên.

Tại phiên họp, các đương sự gồm ông Trần Minh H, ông Trần Văn P, và người đại diện hợp pháp của hộ bà Trần Thị H1 - do bà Trương Ngọc L, đại diện, đều không đồng ý với yêu cầu của bà P5, đồng thời cho rằng Tòa án thụ lý vụ việc dân sự là không đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2024/QĐST-DS ngày 17/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Thái Thị Hoàng Anh P5 về việc yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung.

Xác định phần quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 270, 293, 272, 269 tờ bản đồ E4 và thửa đất số 481, 554 tờ bản đồ E5 tại ấp T, xã T, huyện D (nay là khu phố T, phường T, thành phố D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1743 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Dĩ An cấp ngày 14/8/2002 cho hộ bà Trần Thị G là tài sản thuộc sở hữu chung của bà Trần Thị H1, ông Trần Minh P1, ông Trần Minh T1, bà Trần Thị C, bà Trần Lệ C1, ông Trần Minh H2, bà Trần Thị L1, bà Trần Thị H3, ông Trần Minh T2, ông Trần Minh H và ông Trần Văn P6. Trong đó phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng của ông Trần Minh H được xác định bằng 1/11 phần và của ông Trần Văn P được xác định bằng 1/11 phần quyền sử dụng đất nêu trên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lệ phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi có quyết định, ông Trần Minh H, ông Trần Văn P, ông Trần Minh T2, bà Trần Thị H1, ông Trần Minh T1, ông Trần Minh P1, bà Trần Thị C, bà Trần Lệ C1, ông Trần Minh H2, bà Trần Thị L1 và bà Trần Thị H3 kháng cáo toàn bộ Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2024/QĐST-VDS ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 31/QĐ-VKS-DS ngày 02/7/2024 yêu cầu hủy Quyết định sơ thẩm việc dân sự 04/2024/QĐST-VDS ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên họp phúc thẩm, người yêu cầu giải quyết việc dân sự vẫn giữ nguyên yêu cầu; người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương giữ nguyên kháng nghị.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về thời hạn kháng cáo: Người kháng cáo đã kháng cáo đúng thời hạn luật định.

Về kháng nghị: vụ việc có yếu tố tranh chấp, không đủ điều kiện để thụ lý theo thủ tục giải quyết việc dân sự; Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ các tình tiết liên quan đến thừa kế, công sức đóng góp vào tài sản và định giá tài sản một cách đầy đủ, dẫn đến việc xác định phần quyền của ông H và ông P là chưa đủ căn cứ; việc xác định phần quyền không rõ ràng khiến cơ quan thi hành án không thể thực hiện kê biên để thi hành án. Căn cứ Điều 375 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương hủy Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2024/QĐST-VDS ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Đối với yêu cầu của các đương sự là triệu tập bà Thái Thị Hoàng Anh P5 và Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An để đối chất là cần thiết khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh H, ông Trần Văn P, ông Trần Minh T2, bà Trần Thị H1, ông Trần Minh T1, ông Trần Minh P1, bà Trần Thị C, bà Trần Lệ C1, ông Trần Minh H2, bà Trần Thị L1 và bà Trần Thị H3 trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên họp, vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Bích T3; bà Trần Thị Bích P2; ông Trần Duy P3; ông Trần Duy P4, bà Nguyễn Thị L2; ông Trần Minh T4; bà Trần Thị Thanh T5 và bà Trần Thị Thanh T6, không ảnh hưởng đến việc mở phiên họp nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo Điều 374 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà P5 yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 270, 293, 272, 269 tờ bản đồ E4 và thửa đất số 481,554 tờ bản đồ E5 tại khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1743 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Dĩ An cấp cho hộ bà Trần Thị G. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh H, ông Trần Văn P, người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H1, ông Trần Minh T1, ông Trần Minh P1, bà Trần Thị C, bà Trần Lệ C1, ông Trần Minh H2, bà Trần Thị L1 và bà Trần Thị H3 là bà Trần Ngọc L3 không chấp nhận toàn bộ yêu cầu

của bà P5; đồng thời, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý việc dân sự là không đúng với quy định.

[4] Tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ thể hiện: quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 270, 293, 272, 269; tờ bản đồ E4 và thửa đất số 481, 554; tờ bản đồ E5 tại ấp T, xã T, huyện D (nay là khu phố T, phường T, thành phố D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1743 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Dĩ An cấp ngày 14/8/2002 cho hộ bà Trần Thị G. Thời điểm này, bà G đang chung sống với ông Trần Văn D. Năm 2008, bà G chết; năm 2016, ông D chết nên đã phát sinh thừa kế đối với di sản thừa kế của bà G, ông D. Ngày 06/10/2020, bà P5 nộp đơn khởi kiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H và ông P (bút lục số 01 đến số C) xác định phần sở hữu của ông H và ông P trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế là 11.230,3m² thuộc thửa số 270, 293, 272, 269 tờ bản đồ E4 và thửa 481, 554 tờ bản đồ E5 tại khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1743 để Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An tiến hành kê biên thi hành án cho bà P5 theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh H, ông Trần Văn P, người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H1, ông Trần Minh T1, ông Trần Minh P1, bà Trần Thị C, bà Trần Lệ C1, ông Trần Minh H2, bà Trần Thị L1 và bà Trần Thị H3 là bà Trần Ngọc L3 không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà P5 và có đơn khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc phân chia tài sản để thi hành án. Ngoài ra, cho đến nay chưa có văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định di sản của ông D, bà G và Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ vững chắc để xác định các tài sản nêu trên có phải là tài sản chung của 11 người con ông D, bà G.

[5] Như vậy, giữa các đương sự có sự tranh chấp về quyền và nghĩa vụ và cần Tòa án giải quyết tranh chấp trên. Do có sự tranh chấp, yêu cầu của bà P5 không đáp ứng điều kiện để được giải quyết theo thủ tục việc dân sự (thủ tục giải quyết các yêu cầu không có tranh chấp). Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết một vụ việc có tranh chấp theo thủ tục việc dân sự, điều này dẫn đến vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự như các bên không có cơ hội trình bày đầy đủ quan điểm, chứng cứ, không được tranh tụng. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý việc dân sự để giải quyết là không đúng quy định tại Điều 361 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; cho nên, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thẩm định, đo đạc, định giá để xác định phần di sản thừa kế của ông D, bà G chết để lại; xác định những cá nhân nào có công sức đối với di sản; tính diện tích đường đi trước khi chia phần đất thành nhiều phần khác nhau theo khoản 3 Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; định giá tài sản (nhằm đảm bảo giá trị mỗi kỷ phần được hưởng là bằng nhau vì mỗi vị trí đất có giá trị khác nhau). Vì sau khi quyết định có hiệu lực, cơ quan thi hành án không thể xác định vị trí phần đất để kê biên, càng không thể kê biên toàn bộ tài sản chung để thi hành án nên việc giải quyết của Tòa án không đảm bảo thi hành án.

[6] Ngoài ra, Bản án dân sự phúc thẩm số 258/2023/DS-PT ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương có hiệu lực thi hành nhưng vì

phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn làm căn cứ giải quyết việc dân sự dẫn đến sai sót nghiêm trọng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục nên cần thiết phải hủy quyết định sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[7] Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên họp phúc thẩm: xét thấy, các yêu cầu của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Minh H, ông Trần Văn P, ông Trần Minh T2, bà Trần Thị H1, ông Trần Minh T1, ông Trần Minh P1, bà Trần Thị C, bà Trần Lệ C1, ông Trần Minh H2, bà Trần Thị L1 và bà Trần Thị H3 như sau:

- Hủy Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2024/QĐST-VDS ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An là có căn cứ chấp nhận một phần.

- Hoãn phiên họp để triệu tập bà Thái Thị Hoàng Anh P5 và Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An để đối chất, đình chỉ vụ án chuyển hồ sơ sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An giải quyết, các yêu cầu này không phù hợp pháp luật nên không được chấp nhận.

[8] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên họp là phù hợp.

[9] Về lệ phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo không phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, Điều 361, Điều 373, Điều 374, điểm c khoản 3 Điều 375 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 31/QĐ-VKS-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh H, ông Trần Văn P, ông Trần Minh T2, bà Trần Thị H1, ông Trần Minh T1, ông Trần Minh P1, bà Trần Thị C, bà Trần Lệ C1, ông Trần Minh H2, bà Trần Thị L1 và bà Trần Thị H3.

3. Hủy Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2024/QĐST-VDS ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ việc dân sự cho Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về lệ phí dân sự phúc thẩm: trả lại cho ông Trần Minh H, ông Trần Minh P7, bà Trần Thị H3, bà Trần Thị L1, ông Trần Minh T2, Trần Minh H2, Trần Lệ C1, bà Trần Thị C, ông Trần Minh T1, ông Trần Minh P1, bà Trần Thị H1 tiền tạm ứng lệ phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu số: 0001028; 0001030, 0001031, 0001032, 0001033, 0001034, 0001035, 0001036, 0001037, 0001038, 0001039 ngày 27 tháng 6 năm 2024 (do bà Trương Ngọc L nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- TAND thành phố Dĩ An ;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Lê Hoàng Vương